| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2023
*V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**----------**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
2. Ông Trần Anh Dũng.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/2/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1989 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T;

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1988 (Có mặt)

Cư trú: Thôn Đọ 1, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình K kết hôn ngày 18/9/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn thì chị về chung sống với anh K tại thôn Đ, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 06/2019 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đánh chửi nhau. Chị đã về nhà bố đẻ sinh sống và ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017, hiện nay do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng chị tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Trịnh Thị L vắng mặt.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/2/2023, bị đơn là anh Nguyễn Đình K trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị L kết hôn với nhau ngày 18/9/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B. Anh và chị Trịnh Thị L tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, Chị Trịnh Thị L về gia đình anh làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2019 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị L.

* Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017 hiện đang ở với chị L. Ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng cháu N. Anh không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty Vật liệu công nghiệp Ao Zhong ở thành phố C, tỉnh H, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Anh hiện nay vẫn chung sống cùng bố mẹ đẻ anh, ở trên đất và nhà của bố mẹ anh tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

* Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trưởng thôn Đ , xã Đại Hóa cho biết: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đình K đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Chị L kết hôn với anh K năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, chị L về chung sống với anh K ngay, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh K tại thôn Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh K xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng đánh cãi nhau. Vợ chồng chị L, anh K có 01 con chung.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị L và anh K đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có văn bản giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81 Điều 82 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình K.

- Về con chung: Giao cho Chị Trịnh Thị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Chị Trịnh Thị L nhưng vắng mặt. Chị Trịnh Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đình K xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 6/ 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa Chị Trịnh Thị L, anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho Chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Đình K có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị L đang nuôi con ổn định, đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung như anh K xác nhận tại phiên tòa. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Bảo Ngọc đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện cháu N mới trên 06 tuổi, là con gái. Để đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N là con gái, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu N và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Nguyễn Đình K không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đình K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đình K không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 01 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Giao cho Chị Trịnh Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/12/2017.

Anh Nguyễn Đình K không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị Trịnh Thị L, anh Nguyễn Đình K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012036 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Trịnh Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**